

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TAM NÔNG
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31 /2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 – 9 – 2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Trí Viễn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phùng Công Thanh;
2. Ông Nguyễn Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Như Ý, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào các ngày 21/8/2020 và 11/9/2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 77/2020/TLST-HNGĐ ngày 21/02/2020, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 39/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04/8/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/8/2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Nguyễn Thị Mỹ H, sinh năm: 1982.
2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh T, sinh năm: 1983.

Cùng địa chỉ: ấp P, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

(Bà H có mặt, ông T vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Trong đơn khởi kiện và lời tự khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn Nguyễn Thị Mỹ H trình bày: Bà và ông T tiến hành hôn nhân từ năm 2005. Đến năm 2010, Tòa án có Quyết định công nhận thuận tình ly

hôn, sau đó cả hai về chung sống lại và đi đăng ký kết hôn năm 2014. Trong quá trình chung sống có 02 con chung là Nguyễn Hải Đ sinh ngày 29/4/2006 và Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/6/2014. Từ năm 2017 thì 02 vợ chồng đi làm ở Bình Dương đã xảy ra mâu thuẫn và ly thân khoảng 02 năm, sau đó về sống lại được mấy tháng thì tiếp tục ly thân cho đến nay. Do đó khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- + Về tình cảm: yêu cầu được ly hôn với anh T.
- + Về nuôi con chung: yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Ngọc Tường V, đồng ý giao con chung Nguyễn Hải Đ cho ông T nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.
- + Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.
- + Về nợ chung: không có.
- *Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, bị đơn Nguyễn Thanh T không có mặt và cũng không có lời khai mặc dù đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ.*
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông phát biểu* việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng dân sự là đúng quy định. Riêng đối với bị đơn chưa thực đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Về ý kiến giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định :

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con với bị đơn có địa chỉ cư trú tại huyện T là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Tam Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng bị đơn vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Bị đơn đã nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có ý kiến phản đối những tình tiết mà phía nguyên đơn đưa ra. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh.

Do đó, chấp nhận theo yêu cầu của nguyên đơn, cho bà H và ông T được ly hôn.

- Nguyên vọng của cháu Đ là được sống với ông T. Tại phiên tòa, bà H cũng thống nhất để cháu Đ sống với ông T, bản thân ông T cũng không có ý kiến phản hồi

về việc này. Mặt khác, nguyên đơn có cung cấp cho Tòa án về việc thỏa thuận giữa bà với ông T về việc nuôi con. Do đó, nghĩ cần áp dụng khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình, để chấp nhận ý kiến của nguyên đơn và cũng phù hợp nguyện vọng của con chung, là ông T được nuôi cháu Đ, bà H nuôi cháu V.

- Về cấp dưỡng: bà H thừa nhận có thu nhập, đủ điều kiện khả năng kinh tế nuôi con, nên không yêu cầu, không ai phải cấp dưỡng, ông T cũng không có ý kiến gì về việc cấp dưỡng, nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: do không có yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đề cập xử lý.

[3] Từ những nhận định trên, nên chấp nhận ý kiến của Viện kiểm sát.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và áp dụng Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, thì bà H là người khởi kiện thì phải chịu án phí về hôn nhân là 300.000đồng. Ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 92, 147 và 227 Bộ luật tố tụng dân sự ; Áp dụng các Điều 56, 81, 82 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh T được ly hôn.

- Về nuôi con chung: Bà Nguyễn Thị Mỹ H được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Ngọc Tường V, sinh ngày 01/6/2014 (hiện cháu V đang sống với bà H). Ông Nguyễn Thanh T được tiếp tục nuôi dưỡng con chung là cháu Nguyễn Hải Đ, sinh ngày 29/4/2006 (hiện cháu Đ đang sống với ông T). Bà Nguyễn Thị Mỹ H và ông Nguyễn Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con (do không có yêu cầu).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- *Về án phí dân sự sơ thẩm:* Bà Nguyễn Thị Mỹ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000

đồng theo biên lai thu số: BH/2018/0005973, ngày 19/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông. Bà H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND cùng cấp;
- UBND nơi ĐKKH.
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Trí Viễn
